

Số: 105/QĐ-THPTTL

TP Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 07 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Công khai Dự toán - Thực Hiện Dự toán thu chi quý II/2022

Căn cứ Quyết định số 2611/QĐ-UB ngày 12/07/2001 của UBND TP Hồ Chí Minh về việc thành lập trường THPT Trung Lập.

Căn cứ quyết định số 1862/QĐ-UB ngày 06 tháng 5 năm 2005 của UBND TP Hồ Chí Minh, cho phép đổi tên các trường phổ thông trung học và trường Phổ thông cấp 2-3 thành trường Trung học phổ thông

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ Quyết định số 1794/QĐ-GDDT ngày 18/07/2022, của Giám đốc Sở Giáo Dục và Đào Tạo TP Hồ Chí Minh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 (điều chỉnh lần 1)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai Thực Hiện Dự toán thu chi quý II/2022 của Trường THPT Trung Lập (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ trưởng tổ Văn phòng có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Niêm yết PGV;
- BGH;



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: TRƯỜNG THPT TRUNG LẬP

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2022

Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022

(Kèm theo Quyết định số ./QĐ-THPTTL ngày 19/07/2022 của Trường THPT Trung lập)

Đơn vị sử dụng ngân sách

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
	DỰ TOÁN THU		
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	874.250.000	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Số thu hoạt động sản xuất kinh doanh - dịch vụ	874.250.000	
2.1	Học phí	3.950.000	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	832.500.000	
2.3	Căn tin	22.600.000	
2.4	Giữ xe	15.200.000	
2.5	Hồ bơi	-	
2.6	Điện năng lượng mặt trời		
2.7	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	20.430.000	
3.1	Phí -lệ phí	-	
3.2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
3.2.1	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	16.650.000	
3.2.2	Căn tin	2.260.000	
3.2.3	Giữ xe	1.520.000	
3.2.4	Hồ bơi		
3.2.5	Điện năng lượng mặt trời	-	
3.2.6	Thu lãi ngân hàng (nếu có)	-	
4	Thu viện trợ, tài trợ		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	853.820.000	
1	Phí -lệ phí		
2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	853.820.000	
2.1	Học phí	3.950.000	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	815.850.000	
2.3	Căn tin	20.340.000	
2.4	Giữ xe	13.680.000	
2.5	Hồ bơi	-	
2.6	Điện năng lượng mặt trời	-	
2.7	Thu lãi ngân hàng (nếu có)	-	
4	Hoạt động sự nghiệp khác		
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	357.441.000	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo,	357.441.000	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Thường xuyên)		
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	357.441.000	
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Không thường xuyên)		

Ngày 19 tháng 07 năm 2022
TRƯỞNG HIỆU TRƯỞNG
 TRƯỜNG THPT TRUNG LẬP
 Võ Thị Kim Bì

Đơn vị: TRƯỜNG THPT TRUNG LẬP

Chương: 422

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
Từ 01/04/2022 đến 30/06/2022

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-THPTTL ngày 19/07/2022 của Trường THPT Trung Lập)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
I	Quyết toán thu		
A	Tổng số thu	874.250.000	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	874.250.000	
	Học phí	3.950.000	
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	832.500.000	
	Căn tin	22.600.000	
	Giữ xe	15.200.000	
	Hồ bơi		
	Điện năng lượng mặt trời		
	Thu lãi ngân hàng		
3	Thu sự nghiệp khác	-	
B	Chi từ nguồn thu được để lại	723.486.447	-
1.1	Chi học phí công lập	-	-
	Trả lương cho nhân viên phục vụ, bảo vệ, thiết bị		
	Công tác giám thị		
	Mua đồ dùng vệ sinh, văn phòng phẩm		
	Mua đồng phục bảo vệ, TĐTT, GDQP		
	Tiền xe đưa giáo viên đi công tác, đi hội thao văn thể mỹ		
	In sổ điểm, giấy khen, phiếu điểm		
	Tổ chức chuyên đề chuyên môn, văn thể mỹ		
	Thuê máy photocopy, sửa chữa máy chiếu, bảo trì máy vi tính		
	Ban thanh tra nhân dân		
	Đăng thông tin trường trên báo Xuân		
	Huấn luyện câu lạc bộ TĐTT		
	Chi phụ trách QL Website, công tác tổ chức		
	Đồ dùng dạy học		
	Khám sức khỏe học sinh		
1.2	Chi tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	723.486.447	-
	Giảng dạy	229.764.800	
	Công tác coi kiểm tra	101.263.500	
	Thỉnh giảng	9.844.000	
	Quản lý, bộ phận gián tiếp	139.307.250	
	Chi hoạt động chuyên môn, văn thể mỹ, sách tham khảo	15.650.000	
	Chi hoạt động: tiền điện, internet, dịch vụ công cộng khác	7.800.000	
	Mua sắm công cụ dụng cụ, văn phòng phẩm, đồ dùng vệ sinh	19.393.519	
	Sửa chữa nhỏ, bảo trì hệ thống điện nước, máy móc thiết bị, cây xanh	12.000.000	
	Thanh toán lương cho nhân viên hợp đồng	188.463.378	
1.3	Hoạt động cho thuê mặt bằng	-	-
	Trích nguồn CCTL	-	



Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	-	
1.4	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	
	Thanh toán các phí chuyển tiền và quản lý TK		
	Trích nguồn CCTL	-	
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	-	
1.5	Hoạt động sự nghiệp khác (ôn tập thi TN)	-	-
	Giảng dạy		
	Công tác giám thị		
	Quản lý và bộ phận gián tiếp		
	Hỗ trợ hoạt động		
C	Số thu nộp NSNN	5.914.000	
	Hoạt động cho thuê mặt bằng (thuế GTGT, TNDN, môn bài)		
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày (thuế TNDN)	5.914.000	
	Điện năng lượng mặt trời (thuế GTGT, TNDN)	-	
	Thu lãi ngân hàng (thuế TNDN)	-	
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	2.748.783.446	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.730.438.566	
MLNS	Nội dung kinh tế		
6001	Lương theo ngạch, bậc	843.909.657	
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	13.007.703	
6101	Phụ cấp chức vụ	16.762.503	
6107	Phụ cấp nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm		
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	233.276.604	
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	22.722.500	
6114	Phụ cấp trực		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	129.653.528	
6149	Phụ cấp khác	220.000	
6299	Chi khác	1.814.400	
6301	Bảo hiểm xã hội	176.531.437	
6302	Bảo hiểm y tế	30.262.532	
6303	Kinh phí công đoàn	20.175.018	
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	10.087.509	
6449	Chi khác	106.400.000	
6501	Tiền điện	25.553.405	
6502	Tiền nước	-	
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	5.280.000	
6551	Văn phòng phẩm	13.800.000	
6599	Vật tư Văn phòng khác	44.930.380	
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	330.550	
6603	Cước phí bưu chính	505.990	
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	2.905.650	
6608	Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông, sách, báo, tạp chí thư viện	3.834.200	
6618	Khoán điện thoại	2.000.000	
6649	Khác	2.070.000	
6704	Khoán công tác phí	7.400.000	
6751	Thuê phương tiện vận chuyển	9.550.000	
6912	Các thiết bị công nghệ	1.200.000	



Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
6913	Tài sản và thiết bị văn phòng khác	2.844.300	
7049	Chi khác	1.097.800	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	716.100	
7761	Chi tiếp khách	1.097.800	
7799	Chi các khoản khác	499.000	
1.2	Chi cải cách tiền lương (Không Thường xuyên)	1.018.344.880	
MLNS	Nội dung kinh tế		
6449	Chi khác	1.018.331.680	
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	13.200	

Ngày 19 tháng 07 năm 2022
HIỆU TRƯỞNG

TRUNG LẬP
 Võ Thị Kim Bì

HỒ HẠ C